

Số: 23/NQ-HĐND

Long Thành, ngày 20 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3462/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2022 (đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-STC ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 2);

Xét Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Long Thành về việc bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 2); nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung dự toán thu - chi ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Bổ sung nguồn dự toán thu ngân sách địa phương: 232.979.646.490 đồng.

1.1 Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh: 176.682.000.000 đồng.

1.2 Nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2021: 56.297.646.490 đồng.

Bao gồm:

+ Kết dư thường xuyên năm 2021: 56.297.646.490 đồng.

2. Bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương: 232.979.646.490 đồng.



2.1 Bổ sung dự toán chi khối huyện:	206.522.289.490 đồng.
+ Chi thường xuyên:	206.522.289.490 đồng.
2.2 Bổ sung dự toán chi khối xã:	26.457.357.000 đồng.
+ Chi đầu tư:	600.000.000 đồng.
+ Chi thường xuyên:	25.857.357.000 đồng.

(Đính kèm các biểu tổng hợp chi tiết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện về Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Long Thành, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Long Thành khóa XII nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- VP.ĐDBQH&HĐND; VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.HU, TT.HĐND, UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UB.MTTQ huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Văn phòng Huyện ủy;
- VP.HĐND-UBND huyện;
- Phòng VH TT (trang thông tin điện tử) ;
- Viện KSND, TAND, CCTHA huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thùy Linh

Phụ lục I
**TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH
HUYỆN LONG THÀNH NĂM 2022 (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	KHỐI HUYỆN	206.522.289.490	
1	Đầu tư XDCB	95.000.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Quản lý hành chính	4.137.042.740	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	174.250.000	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	3.962.792.740	
3	Sự nghiệp kinh tế (gồm các hoạt động quy hoạch và lưu trữ)	6.922.000	Ngân sách huyện
4	Sự nghiệp giáo dục	6.533.117.450	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	1.684.000.000	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	4.849.117.450	
5	Sự nghiệp đào tạo	1.241.071.735	Ngân sách huyện
6	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	28.812.970.000	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	14.940.000.000	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	13.872.970.000	
7	Sự nghiệp môi trường	16.444.236.044	Ngân sách huyện
8	Sự nghiệp văn hóa thông tin	64.470.525	Ngân sách huyện
9	Sự nghiệp phát thanh	245.000.000	Ngân sách huyện
10	Sự nghiệp thể dục thể thao	28.700.000	Ngân sách huyện
11	Sự nghiệp an ninh	1.514.540.000	Ngân sách huyện
12	Sự nghiệp quốc phòng	332.307.000	Ngân sách huyện
13	Sự nghiệp nông nghiệp	311.336.121	Ngân sách huyện
14	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	51.467.080.875	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	49.183.000.000	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	2.284.080.875	
15	Chi khác	383.495.000	Ngân sách huyện
II	KHỐI XÃ	26.457.357.000	
1	Đầu tư XDCB	600.000.000	Ngân sách tỉnh
2	Quản lý hành chính	2.577.461.500	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	879.750.000	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	1.697.711.500	



STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
3	Sự nghiệp giao thông	13.900.000.000	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	<i>12.900.000.000</i>	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	<i>1.000.000.000</i>	
4	Sự Văn hóa thông tin	1.987.914.500	Ngân sách huyện
5	Sự nghiệp an ninh	940.000.000	Ngân sách tỉnh
6	Sự nghiệp quốc phòng	5.932.851.520	Ngân sách huyện
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	519.129.480	
+	<i>Ngân sách tỉnh bổ sung đợt 2 năm 2022</i>	<i>381.000.000</i>	
+	<i>Kết dư ngân sách huyện</i>	<i>138.129.480</i>	
	TỔNG CỘNG (I+II)	232.979.646.490	- Nguồn NS tỉnh 176.682.000.000: + Chi khối huyện: 160.981.250.000 + Chi khối xã: 15.700.750.000 - Nguồn NS huyện: 56.297.646.490: + Chi khối huyện: 45.541.039.490 + Chi khối xã: 10.756.607.000





**THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022 (ĐỢT 2)
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG**

Phụ lục II

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: đồng

STT	ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHI CHI
A	CHI ĐẦU TƯ XD CB		95.000.000.000	
I	Ban Quản lý dự án	Chi đầu tư nguồn thường vượt thu	95.000.000.000	
B	CHI THƯỜNG XUYẾN		65.981.250.000	
I	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC		1.684.000.000	
I	Phòng Giáo dục và ĐT	Kinh phí chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập (theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh)	1.684.000.000	
II	SN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH		174.250.000	
I	Văn phòng HĐND-UBND huyện	Tăng định mức chi hoạt động của HĐND các cấp (theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của HĐND tỉnh)	174.250.000	
III	SN KIẾN THIẾT THỊ CHINH		14.940.000.000	
I	Phòng Quản lý Đô thị	Sửa chữa, thay thế hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường đang sử dụng bóng Sodium sang bóng Led	14.940.000.000	
IV	DÀM BẢO XÃ HỘI		49.183.000.000	
		Mai táng phí	785.000.000	
		Kinh phí tăng thêm chi BTXH theo NQ 09/2022/NQ-HĐND	1.148.000.000	
I	Phòng Lao động-TBXH	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động (theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	47.250.000.000	
TỔNG CỘNG:			160.981.250.000	

Phụ lục III

THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022 (ĐỢT 2)
TỪ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	VP HĐND-UBND	Cộng:	2.964.353.239	
		Kinh phí chi trả Hợp đồng lao động theo ND 161	529.899.226	
		Tuyên truyền trên ấn phẩm Báo Xuân Đồng Nai Nhân Dân 2022	457.648.176	
		Tuyên truyền trên ấn phẩm Báo Xuân Đồng Nai Nhân Dân 2022	40.000.000	
		Trợ cấp thời việc	32.251.050	
	Cộng:	179.982.000		
2	Phòng Tài nguyên Môi trường	Thanh toán các khoản thuê xe đi dự họp theo các văn bản ủy nhiệm của UBND huyện năm 2022	179.982.000	
		Cộng:	179.982.000	
		Tiền lương tăng thêm	64.952.323	
3	Phòng Quản lý đô thị	Tiền lương tăng thêm	28.988.323	
		Thuế xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	35.964.000	
		Cộng:	138.915.482	
4	Phòng Lao động- TBXH	Thuế xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	33.000.000	
		Cộng:	138.915.482	
		Văn phòng phẩm, làm thêm giờ phục vụ công tác thẩm định, trình duyệt hồ sơ hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định 08/2022/CP-TTg của Chính phủ	105.915.482	
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Cộng:	201.142.280	
		Chi trợ cấp thôi việc đối với công chức Phòng GDDT	181.142.280	
		Chi thuê xe theo sự Ủy nhiệm	20.000.000	
	Cộng:	95.308.128		

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
6	Thanh tra huyện	Kinh phí mua trang phục ngành Thanh tra	63.214.000	
		Kinh phí hợp đồng đo vẽ hiện trạng đất với 05 vị trí đất do Ban chỉ huy quân sự huyện quản lý tại xã Phước Bình	7.694.128	
		Thuế xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	24.400.000	
		Cộng:	271.021.800	
7	Phòng Y tế	Kinh phí tổ chức khám sức khoẻ Nghĩa vụ quân sự đợt 1 năm 2023	254.485.800	
		Thuế xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	16.536.000	
		Cộng:	189.100.000	
		1. Kinh phí hoạt động Ban chuyển đổi số huyện	35.000.000	
		- Văn phòng phẩm	4.000.000	
		- Thuế xe đi công tác chuyển đổi số	3.000.000	
		- Tổ chức sơ kết 9 tháng năm 2022	14.000.000	
		- Tổ chức lồng kết 9 tháng năm 2022	14.000.000	
		2. Kinh phí thuế xe tham dự Hội nghị theo Ủy nhiệm	9.200.000	
		3. Kinh phí tập huấn trực tuyến cho Tổ công nghệ số cộng đồng	4.000.000	
		4. Kinh phí chi cho các khoản liên quan công tác cấp giấy phép kinh doanh Karaoke	16.400.000	
		5. Kinh phí hoạt động đội KTLN 814 06 tháng cuối năm	25.200.000	
		6. Kinh phí tập huấn triển khai phần mềm AI- Office	32.300.000	
		7. Thara gia học tập kinh nghiệm Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022	67.000.000	
		Cộng:	78.668.000	
8	Phòng Văn hóa thông tin			

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
9	Phòng Nội vụ	- Công trợ đất đá xây dựng tại chùa Bửu Hưng.	51.378.000	
		- Dự lễ khánh thành xây dựng Chùa Dương Chân Tuệ Uyên	1.990.000	
		- Dự Đại hội Đại biểu GHPGVN tỉnh Đồng Nai lần thứ IX	2.100.000	
		- Thăm bệnh các tu sĩ, chức sắc tôn giáo (10 lần x 1.000.000 đ)	10.000.000	
		- Thuê xe cho lãnh đạo đi thăm bệnh các Tu sĩ, chức sắc Tôn giáo (10 chuyến x 1.320.000 đ)	13.200.000	
		Cộng:	108.170.000	
10	Phòng Tư pháp	Kinh phí chứng thực hộ tịch quý II+III/2022	61.110.000	
		Kinh phí thuê xe theo ủy nhiệm UBND huyện	4.860.000	
		Kp tham gia hội thi tìm hiểu pháp luật	27.200.000	
		Hỗ trợ KP công chức Nguyễn Giang San đào tạo trình độ sau đại học	15.000.000	
		Cộng:	119.000.000	
11	Phòng Kinh tế	Hỗ trợ KP bốc xếp vận chuyển vỏ bình ga	35.000.000	
		Thuê xe theo ủy nhiệm của UBND huyện	84.000.000	
		Cộng:	988.194.000	
12	Phòng Tài chính Kế hoạch	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ cơ quan phòng Tài chính Kế hoạch	988.194.000	
		Cộng:	998.439.501	
II ĐẢNG - ĐOÀN THỂ		Cộng:	189.619.501	
1	Văn phòng huyện ủy	Kinh phí nâng lương thường xuyên năm 2022	189.619.501	
		Cộng:	117.600.000	
		Kinh phí hợp mặt các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, linh mục, Kinh phí thăm, tặng quà của UBMTTQ huyện	37.400.000	
		Cộng:	42.800.000	

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ	
2	UBND TQ VN huyện	Kinh phí tham dự lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Mặt trận tại Hà Nội	12.000.000		
		Kinh phí hợp mắt kỹ niệm 92 năm ngày truyền thống MTTQ Việt Nam	15.700.000		
		Kinh phí thuê xe công tác	3.000.000		
		Kinh phí sửa xe	6.700.000		
Cộng:			204.034.926		
3	Huyện đoàn	Kinh phí bổ sung lương	21.034.926		
		Kinh phí tổ chức các hoạt động cấp huyện	114.000.000		
		Tổ chức đối thoại Chủ tịch UBND các cấp với cán bộ đoàn, đoàn viên	13.600.000		
		Kinh phí tham gia các hoạt động do tỉnh tổ chức	55.400.000		
Cộng:			102.455.074		
4	Hội Phụ nữ	Kinh phí Tổ chức phiên chợ khởi nghiệp lần II năm 2022	73.500.000		
		Kinh phí bổ sung Lương nhân sự thực hiện Đề án	19.962.924		
		Kinh phí bổ sung lương cho bà Mai Thị Huệ	8.992.150		
Cộng:			24.740.000		
5	Hội Người cao tuổi	Kinh phí đưa đoàn dự Hội nghị tại Tỉnh	2.800.000		
		Kinh phí tổ chức lớp tập huấn môn thể thao Bì sắt và trọng tài	21.940.000		
		Cộng:			125.725.000
		Kinh phí đưa học sinh khuyến tật về tỉnh nhận học bổng	5.100.000		
6	Hội Khuyến học	Kinh phí Đại hội Đại biểu Hội Khuyến học huyện nhiệm kỳ 2022-2027	88.280.000		
		Kinh phí tổ chức lớp tập huấn "xây dựng mô hình Công dân học tập"	32.345.000		
		Cộng:			40.425.000
		cho cán bộ làm công tác khuyến học năm 2022	40.425.000		
7	Hội Người mù	Kinh phí Đại hội Đại biểu Hội Người mù huyện nhiệm kỳ 2022-2027	40.425.000		
		Cộng:			3.150.000

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
8	Hội Nạn nhân chất độc da cam	Kinh phí tham dự Đại hội Đại biểu Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin tỉnh nhiệm kỳ 2022-2027	3.150.000	
9	Hội Chiến sỹ CMBSTD	Cộng:	17.720.000	
		Kinh phí tham dự Đại hội Đại biểu Hội CSCMBSTD tỉnh nhiệm kỳ	9.600.000	
		Kinh phí tham dự lễ tại nhà tù Phú Lợi, nhà tù Tân Hiệp	8.120.000	
10	Hội Chữ Thập đỏ	Cộng:	172.970.000	
		Kinh phí thực hiện công tác phun xịt thuốc phòng sốt xuất huyết, tay chân miệng	14.510.000	
		Kinh phí tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2022 và tri ân các mảnh (bờ) đàng quân	33.200.000	
		Kinh phí tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng kỹ năng sơ cấp cứu	11.850.000	
		Kinh phí tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng công tác Hội chữ thập đỏ	41.840.000	
III	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	Kinh phí tổ chức hội nghị tổng kết công tác Hội và hoạt động phong trào CTD cụm thi đua số 7 các tỉnh miền đông nam bộ năm 2022	37.550.000	
		Kinh phí thực hiện 07 đợt hiến máu tình nguyện	34.020.000	
		13.879.892.000		
I	CÁC HOẠT ĐỘNG QUỸ HOẠCH		0	
	Cộng		0	
1.1	Phòng Quản lý đô thị	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Long Đức 2 tại xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư Tân Hiệp (Giai đoạn 2) tại xã Tân Hiệp, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai		

TÀI CHÍNH

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHỈ CHỮ
2	KIẾN THIẾT THỊ CHÍNHH		13.872.970.000	
2.1	Phòng Quản lý đô thị	Cộng: Cải tạo, nâng cấp hệ thống đèn trang trí Khu vực đường Trần Phú - Công viên huyện Long Thành	1.713.570.000 1.713.570.000	
		Cộng:	12.159.400.000	
2.2	Ban Quản lý dự án	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối Ông Quế Nạo vét khơi thông dòng chảy suối Phèn	5.404.111.000 6.755.289.000	
3	NHIỆM VỤ LƯU TRỮ HỒ SƠ NGÀNH ĐỊA CHÍNHH		6.922.000	
3.1	Phòng Tài nguyên Môi trường	Cộng: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu: Chính lý, biên mục hồ sơ đăng ký đất đai đưa vào lưu trữ	6.922.000 6.922.000	
IV	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC		4.849.117.450	
		Cộng:	333.655.000	
1	Phòng Giáo dục - Đào tạo	Chi tổ chức điều tra kết quả PCCGD-XMC năm 2022 Chi tiếng Hội thi "Tiếng hát dưới mái trường" tổ chức Kỷ niệm ngày nhà Chi khen thưởng GV dạy giỏi cấp huyện bậc tiểu học	150.000.000 135.750.000 47.905.000	
		Cộng:	755.001.012	
2	Trường Tiểu học Thái Thiện	Sửa chữa lớp học, tường rào xuống cấp gây mất an toàn	755.001.012	
		Cộng:	105.000.000	
3	Tiểu học Phước Bình	Thuế giáo viên thỉnh giảng (do thiếu biên chế)	105.000.000	
		Cộng:	190.669.250	
4	Tiểu học Tập Phước	Thuế giáo viên thỉnh giảng (do thiếu biên chế)	146.730.000	



STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Phụ cấp dạy trẻ khuyết tật	43.939.250	
		Cộng:	325.785.188	
5	Trường THCS An Phước	Sửa chữa lớp học mượn tạm của Trường Giáo dưỡng số 4 phục vụ giảng dạy	325.785.188	
		Cộng:	3.139.007.000	
		Kinh phí chi các hoạt động sự nghiệp giáo dục	1.843.307.000	
		Khen thưởng phong trào thi đua yêu nước ngành Giáo dục năm học 2021-2022	1.295.700.000	
V	SỰ NGHIỆP ĐÀO TẠO	Cộng:	1.241.071.735	
		Bổ sung kinh phí đào tạo cuối năm 2022	440.019.955	
		Sửa chữa hệ thống camera và màn hình	13.800.000	
		Sửa máy photocopy phục vụ công tác đào tạo	6.500.000	
		Nghiên cứu học tập thực tế ở Lâm Đồng	26.800.000	
		Trang bị phần mềm Kế toán và Quản lý tài sản	17.000.000	
		Sửa chữa trụ sở làm việc	659.821.780	
		Cộng:	77.130.000	
2	Phòng Lao động- TBXH	Hỗ trợ học phí theo NĐ 81	77.130.000	
VI	SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Cộng:	16.444.236.044	
		Cộng:	16.444.236.044	

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	Phòng Tài nguyên và môi trường	Xử lý rác Quý 3 năm 2022	4.112.539.868	đã giám trừ 3.341.460.181 còn tồn đến tháng 11/2022
		Xử lý rác Quý 4 năm 2022	8.198.536.176	
		Vận chuyển rác Quý 4 năm 2022	4.133.160.000	
VII SỰ NGHIỆP VĂN HÓA THÔNG TIN			64.470.525	
		Cộng:	64.470.525	
		Lộc An - Bình sơn	44.947.200	
I	Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao	- Kp tham gia tập huấn nghiệp vụ văn hóa tỉnh Đồng Nai năm 2022 (5 chuyến xe 29 chỗ x 2.700.000 đ/chuyến).	13.500.000	
		- Kp nâng lương thưởng xuyên và các khoản trích theo lương ông Nguyễn Đức Hiệp	6.023.325	
VIII SỰ NGHIỆP PHÁT THANH			245.000.000	
		Cộng:	245.000.000	
I	Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao	- Kp thực hiện phối hợp tuyên truyền với Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai năm 2022 (5 chương trình x 20 tr đồng/ chương trình)	100.000.000	
		- Tổ chức hội thi giọng hát hay huyện Long Thành năm 2022	145.000.000	
IX SỰ NGHIỆP THỂ DỤC THỂ THAO			28.700.000	
		Cộng:	28.700.000	
I	Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao	- Kp tổ chức các giải cầu lông các câu lạc bộ tỉnh Đồng Nai	28.700.000	
X SỰ NGHIỆP NÔNG NGHIỆP			311.336.121	
		Cộng:	311.336.121	
I	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	Lập bản đồ phân vùng khu tưới công trình thủy lợi huyện Long Thành	311.336.121	

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
XI	AN NINH		1.514.540.000	
		Cộng:	1.514.540.000	
		Tiền điện phục vụ hệ thống camera giám sát	250.000.000	
		Phục vụ hoạt động Đồn Cảng hàng không Quốc tế Long Thành (Văn phòng phả, dụng cụ văn phòng...)	60.000.000	
		In ấn các nội quy; quy định phục vụ dự án đăng ký xe triển khai các xã	30.000.000	
		Phục vụ công tác sưu tra năm 2022	100.000.000	
		Kinh phí giám định tư pháp năm 2022	500.000.000	
		Kinh phí công tác tranh thủ tôn giáo, dân tộc, tranh thủ người có uy tín liên quan đến Sân bay Long Thành	150.000.000	
		Thăm hỏi đồng viên nạn nhân, gia đình nạn nhân bị tai nạn giao thông; Tuyên truyền ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông năm 2022 (Kế hoạch số 327/KH-BATGT ngày 01/11/2022)	100.000.000	
		Tuyên truyền thực hiện cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo ANTT Tết Nguyên đán 2023	20.000.000	
		Internet hệ thống Kiểm soát an ninh trên địa bàn huyện	120.000.000	
		Hội nghị sơ kết công tác đảm bảo TTATGT	15.000.000	
1	Công an huyện			

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác triệt xóa tụ điểm ma túy tại LV Club	127.540.000	
		Hỗ trợ kinh phí mua que test ma túy phục vụ công tác kiểm tra, đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy trên địa bàn huyện	42.000.000	
XII	QUỐC PHÒNG		332.307.000	
		Hội thao các trung đội Dân quân cơ động cấp huyện và huấn luyện nâng cao tham gia cấp tỉnh năm 2022	258.807.000	
1	Ban chỉ huy quân sự	Hoạt động kỳ niệm 78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 33 năm ngày Hội Quốc phòng Toàn dân	73.500.000	
XIII	BẢO ĐÀM XÃ HỘI		2.284.080.875	
		Cộng:	1.133.000.000	
1	Phòng Lao động TBXH	Kinh phí BTXH cuối năm 2022	1.133.000.000	
		Cộng:	1.151.080.875	
2	Bảo hiểm xã hội huyện	Hỗ trợ 30% đóng BHYT cho học sinh	1.151.080.875	
XIV	CHI KHÁC		383.495.000	
		Cộng:	69.500.000	
1	Chi Cục thống kê	Hỗ trợ kinh phí điều tra Nông nghiệp thời điểm 1/7 và 1/10 năm 2022	69.500.000	
		Cộng:	100.000.000	
2	Chi Cục thuế khu vực Long Thành - Nhơn Trạch	Hỗ trợ kinh phí thực hiện khoá sổ ngân sách cuối năm 2022	100.000.000	
		Cộng:	80.000.000	
3	Kho bạc Nhà nước huyện	Hỗ trợ kinh phí thực hiện khoá sổ ngân sách cuối năm 2022	80.000.000	

STT	Đơn vị	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
4	Toà án huyện	Cộng:	94.870.000	
		Hỗ trợ kinh phí tổ chức phiên toà trực tuyến theo Nghị quyết số 33/2021/QH15 của Quốc hội	94.870.000	
5	Liên đoàn lao động huyện	Cộng:	39.125.000	
		Tổ chức văn nghệ tặng quà cho công nhân lao động nghèo trong dịp tết Quý Mão năm 2023	39.125.000	
TỔNG CỘNG:			45.541.039.490	

Phụ lục IV

**THUYẾT MINH BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022 (ĐỢT 2)
TỪ NGƯỜN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG VÀ KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021**

(Kèm theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đvính: Đồng.

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Thị trấn Long Thành	I- Quản lý hành chính	174.204.400	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	12.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	67.500.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	92.529.000	
		Trợ cấp thời việc (theo QĐ 9219 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	2.175.400	
		II-Quốc phòng	383.150.000	
		Kinh phí phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự đối với Phó chi huy QS	42.912.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	125.618.000	
		Tiền ăn cho LDDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LDDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	37.184.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	15.984.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	21.200.000			
IV- An ninh	32.986.156			
Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	32.986.156			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Tổng cộng	627.524.556	
		I- Quản lý hành chính	179.674.200	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	22.648.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	10.000.000	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 6529, 8064, 6532, 8093 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	86.276.200	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	60.750.000	
		II- Quốc phòng	398.660.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	184.040.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
2	Tam An	III- Đảm bảo xã hội	35.892.000	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	8.040.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	14.652.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	13.200.000	
		IV- An ninh	60.474.620	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	60.474.620	
		Tổng cộng	674.700.820	
		I- Quản lý hành chính	222.619.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	16.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	99.979.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
3	An Phước	Kinh phí hỗ trợ các khoản chi hoạt động của HDND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	67.500.000	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 8910, 8911, 8912 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	39.140.000	
		II-Quốc phòng	423.805.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	209.185.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	67.205.200	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	17.707.200	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	35.298.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	14.200.000	
		IV- An ninh	109.953.854	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bàn chuyển trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	109.953.854	
V- Chi đầu tư XD CB	200.000.000			
Kinh phí hỗ trợ các khu dân cư đạt chuẩn kiểu mẫu năm 2022	200.000.000			
	Tổng cộng	1.023.583.054		
	I- Quản lý hành chính	319.824.750		
	Kinh phí xét nghiệm mẫu nước và đánh giá chất lượng nước	79.464.000		
	Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	8.000.000		
	Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	53.789.000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
4	Long Đức	Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	60.750.000	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 6359, 565, 8058, 8872, 9239, 9420 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	117.821.750	
		II- Quốc phòng	400.693.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	186.073.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	31.912.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	21.312.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	10.600.000	
		IV- An ninh	43.981.542	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	43.981.542	
		V- Sự nghiệp kinh tế	12.900.000.000	
Sửa chữa tuyến đường Nguyễn Thị Giò khu 13 xã Long Đức	12.900.000.000			
VI- Sự nghiệp văn hóa	407.183.000			
Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDTT trang bị cho TTVH xã, NVH các ấp	407.183.000			
Tổng cộng	14.103.594.292			
I- Quản lý hành chính	105.736.400			
Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 5811, 9220, 9047, 1048 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	39.236.400			
Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	58.500.000			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
5	Lộc An	Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	8.000.000	
		II-Quốc phòng	405.080.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	190.460.000	
		Tiền ăn cho LDDQT, tiền ăn tăng thêm cho LDDQT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	28.088.600	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	4.830.600	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	8.658.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	14.600.000	
		IV - An ninh	49.479.234	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	49.479.234	
			Tổng cộng	588.384.234
	I- Quản lý hành chính	125.151.000		
	Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	29.651.000		
	Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	67.500.000		
	Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	28.000.000		
	II - Quốc phòng	459.543.000		
	Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	244.923.000		
	Tiền ăn cho LDDQT, tiền ăn tăng thêm cho LDDQT và quân sự xã năm 2022	214.620.000		
6	Bình Sơn	III-Đảm bảo xã hội	65.520.600	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	29.766.600	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	12.654.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	23.100.000	
		IV- An ninh	126.341.479	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HBND	126.341.479	
		Tổng cộng	776.556.079	
		I- Quản lý hành chính	75.973.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HBND	6.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	11.473.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HBND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HBND	58.500.000	
		II- Quốc phòng	390.742.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	176.122.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	37.690.800	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	5.632.800	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	8.658.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	23.400.000	
		IV- An ninh	38.483.849	
7	Cẩm Dương			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	38.483.849	
		V- Sự nghiệp văn hóa	483.820.000	
		Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDTT trang bị cho TT VH xã, NVH các ấp	483.820.000	
		Tổng cộng	1.026.709.649	
		I- Quản lý hành chính	98.353.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	8.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	21.456.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	58.500.000	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 1343, 1344 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	10.397.000	
		II- Quốc phòng	410.537.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	195.917.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	5.642.400	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	5.642.400	
		IV- An ninh	38.483.849	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	38.483.849	
		Tổng cộng	553.016.249	
		I- Quản lý hành chính	135.212.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	63.000.000	
8	Bình An			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHI CHÚ
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	16.000.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	35.462.000	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 7678, 7949 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	20.750.000	
		II- Quốc phòng	483.274.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	268.654.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	48.552.800	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	12.064.800	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	11.988.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	24.500.000	
		IV- An ninh	87.963.083	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	87.963.083	
		V- Chi đầu tư XD CB	200.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khu dân cư đạt chuẩn kiểu mẫu năm 2022	200.000.000	
		Tổng cộng	955.001.883	
		I- Quản lý hành chính	121.008.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	67.500.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	10.000.000	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHI CHÚ
10	Long Phước	Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	43.508.000	
		II- Quốc phòng	491.456.520	
		Kinh phí phụ cấp đặc thù quốc phòng, quân sự đối với Phó chỉ huy QS	87.981.520	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	188.855.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	23.337.680	
		Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	811.680	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	7.326.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	15.200.000	
		IV- An ninh	76.967.698	
Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	76.967.698			
V- Chi đầu tư XD CB	200.000.000			
Kinh phí hỗ trợ các khu dân cư đạt chuẩn kiểu mẫu năm 2022	200.000.000			
	Tổng cộng	912.769.898		
	I- Quản lý hành chính	121.409.000		
Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	18.000.000			
Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	67.500.000			
Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	35.909.000			
	II- Quốc phòng	413.961.000		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
11	Bầu Cạn	Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	199.341.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	46.652.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	14.652.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	32.000.000	
		IV- An ninh	65.972.313	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HBND	65.972.313	
		V- Sự nghiệp văn hóa	315.800.000	
		Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TDDT trang bị cho TT VH xã, NVH các ấp	315.800.000	
		Tổng cộng	963.794.313	
		I- Quản lý hành chính	116.017.000	
Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	22.350.000			
Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HBND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HBND	56.250.000			
Hỗ trợ tiền nhuận bút cập nhật tin và hình ảnh trên trang thông tin điện tử năm 2021 và năm 2022	15.497.000			
Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HBND	10.000.000			
Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 5901 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	11.920.000			
II- Quốc phòng	391.170.000			
Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	176.550.000			



STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	15.984.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	15.984.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		IV- An ninh	49.479.234	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	49.479.234	
		V- Sự nghiệp văn hóa	481.111.500	
		Kinh phí mua sắm trang thiết bị, dụng cụ TĐTT trang bị cho TTVH xã, NVH các ấp	481.111.500	
		Tổng cộng	1.053.761.734	
		I- Quản lý hành chính	476.771.750	
		Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 154, 3077, 4849, 4850, 4851, 4852 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	151.610.750	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	65.250.000	
		Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	26.671.000	
		Kinh phí xét nghiệm mẫu nước và đánh giá chất lượng nước	219.240.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	14.000.000	
		II- Quốc phòng	468.852.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	254.232.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	59.147.400	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
13	Phước Thái	Bổ sung kinh phí đóng BHYT cho người cao tuổi, đối tượng BTXH năm 2022	12.071.400	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	23.976.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	23.100.000	
		IV- An ninh	98.958.469	
		Bổ sung kinh phí cho công an xã bán chuyên tách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	98.958.469	
		V- Sự nghiệp kinh tế	1.000.000.000	
		Kinh phí thực hiện bê tông hóa các tuyến đường phục vụ NTM nâng cao	1.000.000.000	
		V- Sự nghiệp văn hóa	300.000.000	
		Kinh phí sửa chữa nhà văn hóa ấp Hiền Đức, ấp Hiền Hòa, ấp 3	300.000.000	
		Tổng cộng	2.403.729.619	
		I- Quản lý hành chính	305.508.000	
		Chi hỗ trợ Ban Mặt trận ấp, khu phố về bảo đảm trật tự ATGT ở địa bàn khu dân cư theo NQ 162/2019/NQ-HĐND	12.000.000	
		Kinh phí hỗ trợ các khoản chi cho hoạt động của HĐND theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND	60.750.000	
Kinh phí tổ chức đại hội chi bộ các khu, ấp	19.370.000			
Kinh phí xét nghiệm mẫu nước và đánh giá chất lượng nước	154.980.000			
Trợ cấp thôi việc (theo QĐ 6402, 6403, 6404, 6405, 6769 ban hành năm 2022 của UBND huyện)	58.408.000			

STT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CHI CHÚ
14	Phước Bình	II- Quốc phòng	411.928.000	
		Kinh phí huấn luyện dân quân năm 2022	197.308.000	
		Tiền ăn cho LLDQTT, tiền ăn tăng thêm cho LLDQTT và quân sự xã năm 2022	214.620.000	
		III-Đảm bảo xã hội	16.320.000	
		Bổ sung tiền điện hộ nghèo năm 2022	13.320.000	Số đối tượng được hỗ trợ (QĐ 12761/QĐ-UBND)
		Bổ sung tiền mừng thọ năm 2022	3.000.000	
	IV- An ninh	60.474.620		
	Bổ sung kinh phí cho công an xã bàn chuyển trách theo NQ16/2022/NQ-HĐND	60.474.620		
	Tổng cộng	794.230.620		
	Tổng cộng	26.457.357.000		

